TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **323**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 239/2026/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị M**, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu M, xã P, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Anh **Lưu Đức M1**, sinh năm 1989; Nơi ĐKHK: Thôn G, xã P, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang đi chấp hành án hình phạt tù tại đội 46, phân trại số C, Trại giam Q – Cục C – Bộ C1 (Địa chỉ: Xã B, tỉnh Tuyên Quang).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Cao Thị M** và anh **Lưu Đức M1.**

(Giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 20 tháng 7 năm 2012 tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã P, tỉnh Tuyên Quang)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Lưu Đức B, sinh ngày 11/10/2012 cho chị Cao Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Lưu Đức M1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị M và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Cao Thị M và anh Lưu Đức M1 đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Cao Thị M và anh Lưu Đức M1 đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Cao Thị M tự nguyện nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015273063, ngày 24/04/2026 của Công ty cổ phần T và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 155, ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Cao Thị M còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Lưu Đức M1 không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh TQ;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến